

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

# MỤC LỤC

|                                                                                                                                | Trang   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục                                                                                                                     | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc                                                                                                    | 2 - 4   |
| 3. Báo cáo kết quả công tác soát xét                                                                                           | 5 - 6   |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013                                                     | 7 - 10  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 11      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013           | 12 - 13 |
| 7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu                                                                                  | 14      |
| 8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013    | 15 - 36 |
| 9. Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh                                                                   | 37 - 39 |

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đồ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đồ là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015124 ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 31/UBCK-GPHDKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép các quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty như sau:

Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên 75.736.670.000 đồng.

Quyết định số 186/UBCK-GP ngày 02 tháng 02 năm 2009 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 03 năm 2009 về việc rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty như sau:

| Cổ đông                                         | Vốn góp (VND)         | Tỷ lệ (%)     |
|-------------------------------------------------|-----------------------|---------------|
| Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam                  | 16.800.000.000        | 22,18         |
| Công ty CP Tài chính và Phát triển Doanh nghiệp | 16.310.000.000        | 21,54         |
| Công ty CP Đầu tư Thương mại An Dân             | 5.700.000.000         | 7,53          |
| Nguyễn Thị Nghiễm                               | 5.821.960.000         | 7,69          |
| Nguyễn Quang Trung                              | 7.500.000.000         | 9,90          |
| Nguyễn Phương Lan                               | 7.068.000.000         | 9,33          |
| Các cổ đông khác                                | 16.536.710.000        | 21,83         |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>75.736.670.000</b> | <b>100,00</b> |

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043 5 771 732

Fax : 043 5 771 740

Website : [www.csc.vn](http://www.csc.vn)

Mã số thuế : 0102116483

**Đơn vị trực thuộc:**

**Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đồ tại Tp Hồ Chí Minh**

Địa chỉ : Tầng 3 tòa nhà Gillmex, số 24C Phan Đăng Lưu, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 083 5 515 486

Fax : 083 5 515 487

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Nghề nghiệp kinh doanh của Công ty là:* Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Theo Nghị quyết số 03/2013/NQ-CSC của Đại hội cổ đông bất thường ngày 12 tháng 6 năm 2013, Công ty đã quyết định tự nguyện rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty chưa được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán cấp quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh rút gọn nghiệp vụ môi giới này.

Cũng theo Nghị quyết trên Công ty đã nộp hồ sơ tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công văn số 844/SGDHN-QLTV ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và công văn số: 1149/2013/SGDHCM-TV ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đồ tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2013.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên              | Chức vụ            | Ngày bổ nhiệm        |
|------------------------|--------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Tiến Dũng   | Chủ tịch           | 27 tháng 4 năm 2012  |
| Ông Trương Quốc Hùng   | Phó CT thường trực | 19 tháng 08 năm 2009 |
| Ông Phạm Phi Long      | Phó Chủ tịch       | 27 tháng 4 năm 2012  |
| Ông Nguyễn Quang Trung | Thành viên         | 27 tháng 4 năm 2012  |
| Bà Nguyễn Thị Mai      | Thành viên         | 27 tháng 4 năm 2012  |

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên              | Ngày bổ nhiệm       |
|------------------------|---------------------|
| Bà Trần Thị Kim Dung   | 27 tháng 4 năm 2012 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | 27 tháng 4 năm 2012 |
| Ông Bùi Quang Thành    | 27 tháng 4 năm 2012 |

**Ban Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm        |
|----------------------|-------------------|----------------------|
| Ông Trương Quốc Hùng | Tổng Giám đốc     | 02 tháng 02 năm 2009 |
| Bà Ngô Thị Thu Hương | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 09 năm 2007 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đồ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**Phó Tổng Giám đốc**



**Ngô Thị Thu Hương**

Ngày 14 tháng 8 năm 2013



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khon St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38.272.205 - Fax: (84.8) 38.272.380  
Branch in Ha Noi : 40 Guang Vu St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Quan St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 320/2013/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013 (từ trang 07 đến trang 39 kèm theo).

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy:

Như trình bày tại Thuyết minh số IV.6, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư có phiếu chưa niêm yết (OTC) với tổng giá trị khoản đầu tư là 13.239.728.000 VND do không có cơ sở để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư có phiếu chưa niêm yết (OTC) và ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

**Giám đốc**



**Nguyễn Hoàng Đức**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

**Kiểm toán viên**

**Hoàng Thị Việt**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0374-2013-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Mã số B01-CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Được hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                               | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100+110+120+130+140+150)</b> | <b>100</b> |             | <b>32.254.641.017</b> | <b>20.235.908.377</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>          | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>31.680.791.179</b> | <b>19.647.352.027</b> |
| 1. Tiền                                               | 111        |             | 25.080.791.179        | 12.847.352.027        |
| 2. Các khoản tương đương tiền                         | 112        |             | 6.600.000.000         | 6.800.000.000         |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>        | <b>120</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                    | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                  | 129        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>               | <b>130</b> |             | <b>100.382.951</b>    | <b>140.990.685</b>    |
| 1. Phải thu của khách hàng                            | 131        | V.2         | 6.428.235.996         | 6.408.646.754         |
| 2. Trả trước cho người bán                            | 132        | V.2         | 3.500.000             | 48.250.000            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                           | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán           | 135        | V.2         | -                     | -                     |
| 5. Các khoản phải thu khác                            | 138        | V.2         | 112.222.302           | 130.779.582           |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                 | 139        | V.3         | (6.443.575.347)       | (6.446.685.651)       |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                               | <b>140</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                       | <b>150</b> |             | <b>473.466.887</b>    | <b>447.565.665</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                         | 151        |             | 246.033.332           | -                     |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước           | 154        |             | -                     | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ         | 157        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                              | 158        | V.4         | 227.433.555           | 447.565.665           |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐO**

Mẫu số 801-CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 93/2008/TT-BTC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Hàng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                                             | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                     |            |             |                       |                       |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b> | <b>200</b> |             | <b>24.474.801.838</b> | <b>25.151.521.986</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>                | <b>210</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng                  | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc           | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                          | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu dài hạn khác                            | 218        |             | -                     | -                     |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi                | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                          | <b>220</b> |             | <b>3.458.890.512</b>  | <b>4.339.136.103</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                         | 221        | V.5         | 1.211.203.331         | 1.770.683.227         |
| Nguyên giá                                          | 222        |             | 5.451.158.979         | 6.824.193.120         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                              | 223        |             | (4.239.955.648)       | (5.053.509.893)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính                   | 224        |             | -                     | -                     |
| Nguyên giá                                          | 225        |             | -                     | -                     |
| Giá trị hao mòn lũy kế                              | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                          | 227        | V.6         | 2.103.457.181         | 2.424.222.876         |
| Nguyên giá                                          | 228        |             | 4.681.811.430         | 4.818.332.350         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                              | 229        |             | (2.578.354.269)       | (2.394.109.474)       |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                  | 230        | V.7         | 144.230.000           | 144.230.000           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                     | <b>240</b> |             | -                     | -                     |
| Nguyên giá                                          | 241        |             | -                     | -                     |
| Giá trị hao mòn lũy kế                              | 242        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>       | <b>250</b> |             | <b>18.625.292.346</b> | <b>18.606.219.447</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                           | 251        |             | -                     | -                     |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh          | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư chứng khoán dài hạn                       | 253        | V.8         | 38.259.696.251        | 38.261.540.096        |
| - Chứng khoán sẵn sàng để bán                       | 254        |             | 38.259.696.251        | 38.261.540.096        |
| - Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| 4. Đầu tư dài hạn khác                              | 258        |             | -                     | -                     |
| 5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn       | 259        | V.9         | (19.634.403.905)      | (19.655.320.649)      |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                      | <b>260</b> |             | <b>2.390.618.980</b>  | <b>2.206.166.436</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                        | 261        | V.10        | 377.322.911           | 364.494.293           |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại                   | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán                   | 263        | V.11        | 1.755.296.069         | 1.583.672.143         |
| 4. Tài sản dài hạn khác                             | 268        | V.12        | 258.000.000           | 258.000.000           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>              | <b>270</b> |             | <b>56.729.442.855</b> | <b>45.387.430.363</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Mẫu số 801-CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 93/2008/TT-BTC

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                  |            |             |                       |                       |
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>             | <b>300</b> |             | <b>26.286.102.425</b> | <b>14.031.392.260</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                            | <b>310</b> |             | <b>26.286.102.425</b> | <b>14.031.392.260</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                            | 311        |             | -                     | -                     |
| 2. Phải trả người bán                            | 312        | V.13        | 180.106.627           | 383.487.260           |
| 3. Người mua trả tiền trước                      | 313        | V.14        | 274.000.000           | 274.000.000           |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước           | 314        | V.15        | 19.953.859            | 26.737.312            |
| 5. Phải trả người lao động                       | 315        |             | 271.090.874           | 195.625.029           |
| 6. Chi phí phải trả                              | 316        | V.16        | 607.350.000           | 422.000.000           |
| 7. Phải trả nội bộ                               | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác    | 319        | V.17        | 794.497.419           | 794.922.792           |
| 9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán      | 320        | V.18        | 24.125.487.866        | 11.934.619.837        |
| 10. Phải trả bộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu    | 321        |             | 13.615.780            | -                     |
| 11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán       | 322        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                    | 323        |             | -                     | -                     |
| 13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ   | 327        |             | -                     | -                     |
| 14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn            | 328        |             | -                     | -                     |
| 15. Dự phòng phải trả ngắn hạn                   | 329        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                            | <b>330</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                    | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ                       | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Phải trả dài hạn khác                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Vay và nợ dài hạn                             | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả               | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                     | 337        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn              | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ          | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư | 359        |             | -                     | -                     |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>    | <b>400</b> |             | <b>30.443.340.430</b> | <b>31.356.038.103</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                         | <b>410</b> | <b>V.19</b> | <b>30.443.340.430</b> | <b>31.356.038.103</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                     | 411        |             | 75.736.670.000        | 75.736.670.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                          | 412        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                       | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                  | 414        |             | -                     | -                     |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản               | 415        |             | -                     | -                     |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                    | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                         | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                        | 418        |             | -                     | -                     |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                 | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            | 420        |             | (45.293.329.570)      | (44.380.631.897)      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>         | <b>440</b> |             | <b>56.729.442.855</b> | <b>45.387.430.363</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Mẫu số 801-CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

| Chỉ tiêu                                              | Mã số | Số cuối năm     | Số đầu năm        |
|-------------------------------------------------------|-------|-----------------|-------------------|
| 1. Tài sản cố định thuê ngoài                         | 001   | -               | -                 |
| 2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ               | 002   | -               | -                 |
| 3. Tài sản nhận ký cược                               | 003   | -               | -                 |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                                | 004   | -               | -                 |
| 5. Ngoại tệ các loại                                  | 005   | -               | -                 |
| 6. Chứng khoán lưu ký                                 | 006   | 967.520.700.000 | 1.031.342.880.000 |
| Trong đó:                                             |       |                 |                   |
| 6.1 Chứng khoán giao dịch                             | 007   | 321.700.790.000 | 619.709.470.000   |
| 6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch                   | 012   | 330.899.310.000 | 330.904.910.000   |
| 6.3 Chứng khoán cầm cố                                | 017   | 112.000.000.000 | 72.000.000.000    |
| 6.4 Chứng khoán tạm giữ                               | 022   | -               | -                 |
| 6.5 Chứng khoán chờ thanh toán                        | 027   | 2.301.000.000   | 8.070.800.000     |
| 6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút                     | 032   | -               | -                 |
| 6.7 Chứng khoán chờ giao dịch                         | 037   | 619.600.000     | 657.700.000       |
| 6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay              | 042   | -               | -                 |
| 6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch                     | 047   | -               | -                 |
| 7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết | 050   | -               | -                 |
| 8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng             | 082   | -               | -                 |
| 9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán    | 083   | -               | -                 |
| 10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá                  | 084   | -               | -                 |

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng



Dương Thu Hương



Ngô Thị Thu Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Số 802 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008 TT-BTC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                              | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|-------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|---------------|
|                                                       |       |             | Năm nay                           | Năm trước     |
| 1. Doanh thu                                          | 01    |             | 2.586.607.485                     | 4.220.398.172 |
| Trong đó:                                             |       |             |                                   |               |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán              | 01.1  |             | 1.029.844.925                     | 1.768.731.686 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn       | 01.2  |             | 276.762.340                       | 566.679.600   |
| Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán              | 01.3  |             | -                                 | -             |
| Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán                | 01.4  |             | -                                 | -             |
| Doanh thu hoạt động tư vấn                            | 01.5  |             | -                                 | -             |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán                          | 01.6  |             | 223.078.800                       | 220.786.566   |
| Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá                   | 01.7  |             | -                                 | -             |
| Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản                    | 01.8  |             | -                                 | -             |
| Doanh thu khác                                        | 01.9  | VL1         | 1.056.921.420                     | 1.664.200.320 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                       | 02    |             | -                                 | -             |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02) | 10    |             | 2.586.607.485                     | 4.220.398.172 |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh                       | 11    | VL2         | 2.341.028.746                     | 1.600.370.685 |
| 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)  | 20    |             | 245.578.739                       | 2.620.027.487 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 25    | VL3         | 1.158.276.412                     | 1.630.767.963 |
| 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25) | 30    |             | (912.697.673)                     | 989.259.524   |
| 8. Thu nhập khác                                      | 31    | VL4         | -                                 | 41.509.092    |
| 9. Chi phí khác                                       | 32    | VL5         | -                                 | 8.449.733     |
| 10. Lợi nhuận khác (40-31-32)                         | 40    |             | -                                 | 33.059.359    |
| 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50-30+40)      | 50    |             | (912.697.673)                     | 1.022.318.883 |
| 12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành      | 51    |             | -                                 | -             |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại       | 52    |             | -                                 | -             |
| 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60-50-51-52)             | 60    |             | (912.697.673)                     | 1.022.318.883 |
| 15. Lợi cơ bản trên cổ phiếu                          | 70    | VL6         | (121)                             | 135           |

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc




Dương Thu Hương

Ngô Thị Thu Hương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã Thuyết<br>số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                                                                 |                      | Năm nay                           | Năm trước            |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |                      |                                   |                      |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                         | 01                   | (912.697.673)                     | 1.822.318.883        |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                             |                      |                                   |                      |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                      | 02                   | 772.395.551                       | 859.168.951          |
| - Các khoản dự phòng                                                            | 03                   | (24.027.048)                      | (1.416.304.667)      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04                   | -                                 | -                    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                   | 05                   | (686.180.864)                     | (1.704.336.883)      |
| - Chi phí lãi vay                                                               | 06                   | -                                 | -                    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08                   | (850.510.034)                     | (1.239.153.716)      |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                 | 09                   | 92.226.222                        | 124.270.819          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                       | 10                   | -                                 | -                    |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                 | 11                   | 12.254.710.165                    | 6.803.761.770        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                  | 12                   | (151.011.910)                     | (176.473.287)        |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                           | 13                   | -                                 | -                    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                             | 14                   | -                                 | -                    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 15                   | -                                 | -                    |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                        | 16                   | -                                 | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b>            | <b>11.345.414.443</b>             | <b>5.512.405.586</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |                      |                                   |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21                   | -                                 | (97.776.000)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22                   | -                                 | 13.636.364           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23                   | -                                 | -                    |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24                   | -                                 | -                    |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25                   | -                                 | -                    |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26                   | 804.000                           | -                    |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27                   | 687.220.709                       | 1.698.016.145        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b>            | <b>688.024.709</b>                | <b>1.613.876.509</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Mẫu số 803 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã Thuật<br>số minh |                    |                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|----------------|
|                                                                                            |                     | Năm nay            | Năm trước      |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                |                     |                    |                |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31                  | -                  | -              |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32                  | -                  | -              |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33                  | -                  | -              |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34                  | -                  | -              |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                                          | 35                  | -                  | -              |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36                  | -                  | -              |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>                                        | <i>40</i>           | <i>-</i>           | <i>-</i>       |
| <br>Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                        | 50                  | 12.033.439.152     | 7.126.282.095  |
| <br>Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                       | 60                  | V.1 19.647.352.027 | 16.520.898.654 |
| <br>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại                                   | 61                  | -                  | -              |
| <br>Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                      | 70                  | V.1 31.680.791.179 | 23.647.180.749 |

Kế toán trưởng



Dương Thu Hương

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thu Hương

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỎ**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đường Anh, Hà Nội

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số thuế: CTCK

ban hành theo T.T. số 143/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

## **BẢO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU                              | Thuyết minh | Số dư đầu năm    |                  | Số tăng/ giảm |                 |         |               | Số dư cuối năm   |                  |
|---------------------------------------|-------------|------------------|------------------|---------------|-----------------|---------|---------------|------------------|------------------|
|                                       |             | Năm trước        |                  | Năm nay       |                 | Năm nay |               | Năm nay          |                  |
|                                       |             | 1                | 2                | Tăng          | Giảm            | Tăng    | Giảm          | ?                | 8                |
| A                                     | B           |                  |                  |               |                 | 5       | 6             |                  |                  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu          | V.19        | 75.736.670.000   | 75.736.670.000   | -             | -               | -       | -             | 75.736.670.000   | 75.736.670.000   |
| 2. Tổng dự vốn cổ phần                |             | -                | -                | -             | -               | -       | -             | -                | -                |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu            |             | -                | -                | -             | -               | -       | -             | -                | -                |
| 4. Cổ phiếu quỹ                       |             | -                | -                | -             | -               | -       | -             | -                | -                |
| 5. Chính sách đánh giá lại tài sản    |             | -                | -                | -             | -               | -       | -             | -                | -                |
| 6. Chính sách tỷ giá hối đoái         |             | -                | -                | -             | -               | -       | -             | -                | -                |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển              |             | -                | -                | -             | -               | -       | -             | -                | -                |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính             |             | -                | -                | -             | -               | -       | -             | -                | -                |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu      |             | -                | -                | -             | -               | -       | -             | -                | -                |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | V.19        | (41.904.185.223) | (44.380.631.897) | -             | (2.476.446.674) | -       | (912.697.673) | (44.380.631.897) | (45.293.329.570) |
| Cộng                                  |             | 33.832.484.777   | 31.356.038.103   | -             | (2.476.446.674) | -       | (912.697.673) | 31.356.038.103   | 30.443.340.430   |

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Dương Thu Hương

Ngày, ngày 14 tháng 08 năm 2013

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ngô Thị Thu Hương

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỎ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
- Hoạt động chính trong kỳ** : Môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 Công ty có 15 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 19 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 08       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10            |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 07       |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*

---

#### **5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Phần mềm máy tính***

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 08 năm.

##### ***Chi phí thiết kế trang web***

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 08 năm.

##### ***Tài sản cố định vô hình khác***

Bao gồm lệ phí cấp phép hoạt động của Công ty và hệ thống nhận diện thương hiệu Công ty.

#### **6. Đầu tư tài chính**

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### ***Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh***

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### ***Đầu tư tài chính khác***

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

#### **7. Chi phí trả trước**

##### ***Công cụ dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng trở lên.

##### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa là các khoản chi phí Công ty bỏ ra để sửa chữa văn phòng làm việc. Các chi phí này được doanh nghiệp phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí bản quyền***

Chi phí bản quyền cho người sử dụng là chi phí Công ty bỏ ra để tạo tài khoản sử dụng cho nhà đầu tư được doanh nghiệp phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 72 tháng.

#### **8. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### **9. Nguồn vốn kinh doanh**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông

#### **10. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỎ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 12. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

#### **14. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **15. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                                    | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                           | 513.623.805           | 503.194.850           |
| Tiền gửi ngân hàng                                 | 24.567.167.374        | 12.344.157.177        |
| Trong đó:                                          |                       |                       |
| - Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán | 24.190.983.206        | 11.843.851.456        |
| Các khoản tương đương tiền                         | 6.600.000.000         | 6.800.000.000         |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống          | 6.600.000.000         | 6.800.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>31.680.791.179</b> | <b>19.647.352.027</b> |

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

|                                                              | <b>Số cuối kỳ</b>    | <b>Số đầu năm</b>    |
|--------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu khách hàng                                          | 6.428.235.996        | 6.408.646.754        |
| Đặng Việt Dũng                                               | 2.377.096.392        | 2.377.096.392        |
| Nguyễn Văn Tuấn                                              | 1.078.726.664        | 1.078.726.676        |
| Lý Hữu Khải                                                  | 812.630.313          | 812.630.347          |
| Phạm Duy Khánh                                               | 434.443.808          | 434.443.808          |
| Nguyễn Thị Thanh Hiền                                        | 377.696.134          | 377.868.021          |
| Nguyễn Thị Thanh Hồng                                        | 343.304.763          | 343.592.394          |
| Phạm Thị Kim Thu                                             | 187.293.091          | 187.293.103          |
| Phạm Bảo Dương                                               | 174.549.213          | 174.783.054          |
| Bùi Minh Sơn                                                 | 161.222.941          | 161.224.914          |
| Nguyễn Chí Phương                                            | 122.879.343          | 124.033.986          |
| Hoàng Việt Hùng                                              | 126.824.617          | 126.825.763          |
| Các đối tượng khác                                           | 231.568.715          | 210.128.296          |
| Trả trước cho người bán                                      | 3.500.000            | 48.250.000           |
| Công ty CP ĐT&PT công nghệ Thông Nhút                        | -                    | -                    |
| Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính                   | -                    | 20.000.000           |
| Văn phòng Luật sư Minh Thành                                 | 3.500.000            | 3.500.000            |
| Đối tượng khác                                               | -                    | 24.750.000           |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán                     | -                    | -                    |
| Các khoản phải thu khác                                      | 112.222.302          | 130.779.582          |
| Tiền lãi giao dịch mua bán chứng khoán của Ông Vũ Quốc Khánh | 112.222.302          | 113.479.582          |
| Bà Bùi Thu Quỳnh                                             | -                    | 17.300.000           |
| <b>Cộng</b>                                                  | <b>6.543.958.298</b> | <b>6.587.676.336</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Là khoản dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

|                            | Kỳ này        | Kỳ trước      |
|----------------------------|---------------|---------------|
| Số đầu năm                 | 6.446.685.651 | 6.461.327.418 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -             | -             |
| Hoàn nhập dự phòng         | (3.110.304)   | -             |
| Số cuối kỳ                 | 6.443.575.347 | 6.461.327.418 |

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

|                                    | Số cuối kỳ  | Số đầu năm  |
|------------------------------------|-------------|-------------|
| Tạm ứng                            | 226.433.555 | 446.565.665 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.000.000   | 1.000.000   |
| Cộng                               | 227.433.555 | 447.565.665 |

**5. Tài sản cố định hữu hình**

|                                          | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng            |
|------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------|
| Nguyên giá                               |                        |                                       |                                 |                 |
| Số đầu năm                               | 6.325.363.920          | 404.538.200                           | 94.291.000                      | 6.824.193.120   |
| Tăng trong kỳ                            | -                      | -                                     | -                               | -               |
| Giảm theo thông tư<br>45/2013/TT-BTC     | (1.278.743.141)        |                                       | (94.291.000)                    | (1.373.034.141) |
| Số cuối kỳ                               | 5.046.620.779          | 404.538.200                           | -                               | 5.451.158.979   |
| Trong đó:                                |                        |                                       |                                 |                 |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | 1.083.747.065          | -                                     | -                               | 1.083.747.065   |
| Giá trị hao mòn                          |                        |                                       |                                 |                 |
| Số đầu năm                               | 4.770.541.386          | 209.011.424                           | 73.957.083                      | 5.053.509.893   |
| Tăng do trích khấu hao<br>trong kỳ       | 428.426.597            | 20.226.912                            | 10.868.190                      | 459.521.699     |
| Giảm theo thông tư<br>45/2013/TT-BTC     | (1.188.250.671)        |                                       | (84.825.273)                    | (1.273.075.944) |
| Số cuối kỳ                               | 4.010.717.312          | 229.238.336                           | -                               | 4.239.955.648   |
| Giá trị còn lại                          |                        |                                       |                                 |                 |
| Số đầu năm                               | 1.554.822.534          | 195.526.776                           | 20.333.917                      | 1.770.683.227   |
| Số cuối kỳ                               | 1.035.903.467          | 175.299.864                           | -                               | 1.211.203.331   |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**6. Tài sản cố định vô hình**

|                                          | Website           | Phần mềm<br>máy vi tính | TSCĐ<br>vô hình khác | Cộng                 |
|------------------------------------------|-------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                   |                         |                      |                      |
| Số đầu năm                               | 65.000.000        | 4.605.961.950           | 147.370.400          | 4.818.332.350        |
| Tăng trong kỳ                            | -                 | -                       | -                    | -                    |
| Giảm theo thông tư<br>45/2013/TT-BTC     | (20.000.000)      | (116.520.900)           | -                    | (136.520.900)        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>45.000.000</b> | <b>4.489.441.050</b>    | <b>147.370.400</b>   | <b>4.681.811.450</b> |
| <b>Trong đó:</b>                         |                   |                         |                      |                      |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | -                 | 379.662.800             | -                    | 379.662.800          |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                   |                         |                      |                      |
| Số đầu năm                               | 19.062.477        | 2.286.515.165           | 88.531.832           | 2.394.109.474        |
| Tăng do trích khấu hao<br>trong kỳ       | 4.062.498         | 300.713.202             | 8.698.152            | 312.873.852          |
| Giảm theo thông tư<br>45/2013/TT-BTC     | (15.624.975)      | (113.004.082)           | -                    | (128.629.057)        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>7.500.000</b>  | <b>2.474.224.285</b>    | <b>96.629.984</b>    | <b>2.578.354.269</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                   |                         |                      |                      |
| Số đầu năm                               | 45.937.523        | 2.319.446.785           | 58.838.568           | 2.424.222.876        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>37.500.000</b> | <b>2.015.216.765</b>    | <b>50.740.416</b>    | <b>2.103.457.181</b> |

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng hệ thống Website và trading online.

|                              | Kỳ này             |
|------------------------------|--------------------|
| Số đầu năm                   | 144.230.000        |
| Chi phí phát sinh trong kỳ   | -                  |
| Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | -                  |
| <b>Số cuối kỳ</b>            | <b>144.230.000</b> |

**8. Đầu tư chứng khoán dài hạn****8.1 Tình hình nắm giữ chứng khoán dài hạn như sau:**

|                         | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Đầu tư cổ phiếu dài hạn | 38.259.696.251        | 38.261.540.096        |
| Cổ phiếu niêm yết       | 25.019.968.251        | 25.021.812.096        |
| Cổ phiếu chưa niêm yết  | 13.239.728.000        | 13.239.728.000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>38.259.696.251</b> | <b>38.261.540.096</b> |

**8.2. Trình hình đầu tư chứng khoán dài hạn như sau:**

| Chi tiêu                                   | Số lượng |         | Giá trị theo số kế toán |                | Giảm so với giá thị trường |                | Tổng giá trị theo giá thị trường |                |
|--------------------------------------------|----------|---------|-------------------------|----------------|----------------------------|----------------|----------------------------------|----------------|
|                                            | Cuối kỳ  | Đầu năm | Cuối kỳ                 | Đầu năm        | Cuối kỳ                    | Đầu năm        | Cuối kỳ                          | Đầu năm        |
| <b>1. Cổ phiếu niêm yết</b>                |          |         |                         |                |                            |                |                                  |                |
| Ngân hàng TMCP A Châu (ACB)                | 213.164  | 213.164 | 25.019.908.251          | 25.021.812.096 | 19.634.403.905             | 19.655.320.649 | 5.385.504.346                    | 5.366.491.447  |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) | 37.658   | 37.658  | 13.299.578.786          | 13.299.578.786 | 9.888.954.786              | 9.825.005.586  | 3.410.624.000                    | 3.474.573.200  |
| Công ty CP Vận tải Vinaship (VNA)          | 35.000   | 35.000  | 7.171.476.100           | 7.171.476.100  | 6.117.052.100              | 6.147.178.500  | 1.054.424.000                    | 1.024.297.600  |
| Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)       | 10.000   | 10.000  | 1.936.500.000           | 1.936.500.000  | 1.845.500.000              | 1.838.500.000  | 91.000.000                       | 98.000.000     |
| Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng (HIPC)    | 9.399    | 9.399   | 797.594.784             | 797.594.784    | 621.594.784                | 634.594.784    | 176.000.000                      | 163.000.000    |
| Các mã chứng khoán khác                    | 39.404   | 39.612  | 363.006.050             | 363.006.050    | 329.169.650                | 327.289.850    | 33.816.400                       | 35.716.200     |
| <b>2. Cổ phiếu chưa niêm yết</b>           |          |         |                         |                |                            |                |                                  |                |
| Công ty CP Bưu chính Viễn thông Sài Gòn    | 43.153   | 43.153  | 1.451.812.531           | 1.451.656.376  | 832.132.585                | 882.751.929    | 619.679.946                      | 570.904.447    |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải                    | 99.547   | 99.547  | 13.239.728.000          | 13.239.728.000 | -                          | -              | 13.239.728.000                   | 13.239.728.000 |
| Ngân hàng Đại Dương                        | 144.000  | 144.000 | 5.000.000.000           | 5.000.000.000  | -                          | -              | 5.000.000.000                    | 5.000.000.000  |
| Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng             | 44.065   | 30.549  | 4.770.098.000           | 4.770.098.000  | -                          | -              | 4.770.098.000                    | 4.770.098.000  |
|                                            |          |         | 2.476.300.000           | 2.476.300.000  | -                          | -              | 2.476.300.000                    | 2.476.300.000  |
|                                            |          |         | 993.330.000             | 993.330.000    | -                          | -              | 993.330.000                      | 993.330.000    |
| <b>Cộng</b>                                |          |         | 38.259.696.251          | 38.261.540.096 | 19.634.403.905             | 19.655.320.649 | 18.625.292.346                   | 18.606.219.447 |

Chú thích: Trường hợp các mã chứng khoán có giá trị trường lớn hơn giá trị số kế toán sẽ lấy theo giá trị số kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**9. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.

| Cổ phiếu                                 | Đã niêm yết    | Chưa niêm yết  | Cộng           |
|------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Giá trị theo sổ kế toán                  | 25.019.968.251 | 13.239.728.000 | 38.259.696.251 |
| Giá trị theo thị trường                  | 5.385.564.346  | 13.239.728.000 | 18.625.292.346 |
| Số phải trích lập dự phòng tại 30/6/2013 | 19.634.403.905 | -              | 19.634.403.905 |
| Số đã trích lập dự phòng tại 31/12/2012  | 19.655.320.649 | -              | 19.655.320.649 |
| Số hoàn nhập kỳ này                      | (20.916.744)   | -              | (20.916.744)   |

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                     | Số đầu năm  | Tăng do phân loại từ TSCĐ | Kết chuyển vào chi phí trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ  |
|-------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------------|----------------------|-------------|
| Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng     | 16.678.063  | 107.850.040               | 8.921.152                       | -                    | 115.606.951 |
| Chi phí sửa chữa văn phòng          | 231.798.673 | -                         | 21.094.098                      | -                    | 210.704.575 |
| Chi phí bán quyền cho người sử dụng | 116.017.557 | -                         | 65.006.172                      | -                    | 51.011.385  |
| Cộng                                | 364.494.293 | 107.850.040               | 95.021.422                      | -                    | 377.322.911 |

**11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

|                  | Kỳ này        | Kỳ trước      |
|------------------|---------------|---------------|
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000   | 120.000.000   |
| Tiền nộp bổ sung | 1.537.207.342 | 1.413.949.807 |
| Tiền lãi phân bổ | 98.088.727    | 49.722.336    |
| Số cuối năm      | 1.755.296.069 | 1.583.672.143 |

**12. Tài sản dài hạn khác**

Là khoản đặt cọc tiền thuê nhà cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

**13. Phải trả người bán**

|                                                   | Số cuối kỳ  | Số đầu năm  |
|---------------------------------------------------|-------------|-------------|
| Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV | 20.105.303  | 248.390.185 |
| CN TT thông tin và thẩm định giá MN tại HN        | 60.000.000  | 60.000.000  |
| Công ty cổ phần Truyền thông Thời Đại             | 30.675.000  | 30.675.000  |
| Các đối tượng khác                                | 69.326.324  | 44.422.075  |
| Cộng                                              | 180.106.627 | 383.487.260 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**14. Người mua trả tiền trước**

|                                          | <b>Số cuối kỳ</b>  | <b>Số đầu năm</b>  |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tổng Công ty 15                          | 174.000.000        | 174.000.000        |
| Công ty Mỹ Thuật Trung ương              | 60.000.000         | 60.000.000         |
| Hãng phim tài liệu & khoa học trung ương | 20.000.000         | 20.000.000         |
| Nhà xuất bản văn hóa thông tin           | 10.000.000         | 10.000.000         |
| Nhà xuất bản Âm Nhạc                     | 10.000.000         | 10.000.000         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>274.000.000</b> | <b>274.000.000</b> |

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                       | <b>Số đầu năm</b> | <b>Số phải nộp trong kỳ</b> | <b>Số đã nộp trong kỳ</b> | <b>Số cuối kỳ</b> |
|-----------------------|-------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------|
| Thuế GTGT đầu ra      | 763.227           | -                           | 763.227                   | -                 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 25.974.115        | 270.840.334                 | 276.860.590               | 19.953.859        |
| Các loại thuế khác    | -                 | 3.000.000                   | 3.000.000                 | -                 |
| <b>Cộng</b>           | <b>26.737.342</b> | <b>273.840.334</b>          | <b>280.623.817</b>        | <b>19.953.859</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất thuế là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

**Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này**

|                                                                                                          | <b>Kỳ này</b>   | <b>Kỳ trước</b> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | (912.697.673)   | 1.022.318.883   |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (276.762.340)   | (566.679.600)   |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | -               | -               |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | (276.762.340)   | (566.679.600)   |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                                                              | (276.762.340)   | (566.679.600)   |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | (1.189.460.013) | 455.639.283     |
| Lỗi các năm trước được chuyển                                                                            | -               | (455.639.283)   |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | (1.189.460.013) | -               |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 25%             | 25%             |
| <b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                          | <b>-</b>        | <b>-</b>        |

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**16. Chi phí phải trả**

|                                             | <b>Số cuối kỳ</b>  | <b>Số đầu kỳ</b>   |
|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí môi giới                            | 305.000.000        | 305.000.000        |
| Phí lưu ký, phí giao dịch, phí khác         | 62.950.000         | 111.000.000        |
| Trích trước tiền điện, nước, điện thoại     | 5.500.000          | 6.000.000          |
| Trích trước tiền thuê văn phòng tháng 4+5+6 | 233.900.000        | -                  |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>607.350.000</b> | <b>422.000.000</b> |

**17. Phải trả, phải nộp khác**

|                                                                             | <b>Số cuối kỳ</b>  | <b>Số đầu năm</b>  |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn                                                          | 40.109.796         | 49.405.685         |
| Bảo hiểm xã hội                                                             | 19.576.922         | 4.875.991          |
| Bảo hiểm y tế                                                               | 10.155.805         | 7.455.805          |
| Bảo hiểm thất nghiệp                                                        | 1.715.885          | 515.885            |
| Tiền cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng<br>Cái Lân                      | 165.410.000        | 181.795.000        |
| Chi phí sửa chữa văn phòng của Công ty<br>TNHH Tư vấn và Xây dựng Hoàng Nam | 334.518.027        | 334.518.027        |
| Thuế TNCN phải trả                                                          | 185.770.621        | 179.116.036        |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                                           | 37.240.363         | 37.240.363         |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>794.497.419</b> | <b>794.922.792</b> |

**18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

|                                 | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trung tâm Giao dịch Chứng khoán | -                     | -                     |
| Trung tâm lưu ký chứng khoán    | -                     | -                     |
| Tổ chức cá nhân khác            | 24.125.487.866        | 11.934.619.837        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>24.125.487.866</b> | <b>11.934.619.837</b> |

**19. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:*

|                             | <b>Vốn đầu tư của chủ<br/>sở hữu</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế<br/>chưa phân phối</b> | <b>Cộng</b>           |
|-----------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm trước            | 75.736.670.000                       | (41.904.185.223)                             | 33.832.484.777        |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                                    | (2.476.446.674)                              | (2.476.446.674)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>75.736.670.000</b>                | <b>(44.380.631.897)</b>                      | <b>31.356.038.103</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 75.736.670.000                       | (44.380.631.897)                             | 31.356.038.103        |
| Lợi nhuận trong kỳ          | -                                    | (912.697.673)                                | (912.697.673)         |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>        | <b>75.736.670.000</b>                | <b>(45.293.329.570)</b>                      | <b>30.443.340.430</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**Cổ phiếu**

|                                           | <b>Số cuối kỳ</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|-------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành       | 7.573.667         | 7.573.667         |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 7.573.667         | 7.573.667         |
| Số lượng cổ phiếu mua lại                 | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 7.573.667         | 7.573.667         |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu khác**

|                           | <b>Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                      |
|---------------------------|------------------------------------------|----------------------|
|                           | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>     |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 2.741.269                                | 2.616.333            |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn    | 410.458.369                              | 1.131.336.545        |
| Doanh thu khác            | 643.721.782                              | 530.247.442          |
| <b>Cộng</b>               | <b>1.056.921.420</b>                     | <b>1.664.200.320</b> |

**2. Chi phí hoạt động kinh doanh**

|                              | <b>Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                      |
|------------------------------|------------------------------------------|----------------------|
|                              | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>     |
| Chi phí môi giới chứng khoán | 164.821.386                              | 345.340.542          |
| Chi phí lưu ký chứng khoán   | 269.886.375                              | 303.109.095          |
| Chi phí dự phòng             | (20.916.744)                             | (1.416.304.667)      |
| Chi phí nhân viên trực tiếp  | 407.651.662                              | 627.193.548          |
| Chi phí khấu hao TSCĐ        | 564.230.987                              | 593.815.237          |
| Chi phí vật tư, đồ dùng      | 12.971.635                               | 37.837.693           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài    | 884.714.746                              | 1.106.153.487        |
| Chi phí bằng tiền khác       | 57.668.699                               | 3.225.750            |
| <b>Cộng</b>                  | <b>2.341.028.746</b>                     | <b>1.600.370.685</b> |

**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                           | <b>Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                      |
|---------------------------|------------------------------------------|----------------------|
|                           | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>     |
| Chi phí nhân viên         | 603.815.000                              | 813.253.864          |
| Chi phí vật liệu          | 1.128.334                                | 19.418.508           |
| Chi phí công cụ dụng cụ   | 3.482.180                                | -                    |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 208.164.564                              | 265.353.714          |
| Thuế, phí, lệ phí         | 3.000.000                                | 117.972.484          |
| Chi phí dự phòng          | (3.110.304)                              | -                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 341.796.638                              | 414.769.393          |
| <b>Cộng</b>               | <b>1.158.276.412</b>                     | <b>1.630.767.963</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**4. Thu nhập khác**

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                        | Năm nay | Năm trước  |
|------------------------|---------|------------|
| Thu tiền thanh lý TSCĐ | -       | 13.636.364 |
| Thu tiền thanh lý CCDC | -       | 27.872.728 |
| Cộng                   | -       | 41.509.092 |

**5. Chi phí khác**

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                                   | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|---------|-----------|
| Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý | -       | 7.315.626 |
| Giá trị còn lại của CCDC thanh lý | -       | 1.134.107 |
| Cộng                              | -       | 8.449.733 |

**6. Lợi cơ bản trên cổ phiếu**

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                                                                                                                        | Năm nay       | Năm trước     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                       | (912.697.673) | 1.022.318.883 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | -             | -             |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                                | (912.697.673) | 1.022.318.883 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ                                                                    | 7.573.667     | 7.573.667     |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                                                               | (121)         | 135           |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                                                     | Năm nay   | Năm trước |
|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm            | 7.573.667 | 7.573.667 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại            | -         | -         |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 7.573.667 | 7.573.667 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

| Bên liên quan                                   | Mối quan hệ |
|-------------------------------------------------|-------------|
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam                  | Cổ đông     |
| Công ty CP Tài chính và Phát triển Doanh nghiệp | Cổ đông     |
| Công ty CP cho thuê ô tô An Hưng                | Cổ đông     |

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|                                             | Kỳ này        | Kỳ trước        |
|---------------------------------------------|---------------|-----------------|
| <b>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</b>       |               |                 |
| Phải trả tiền thuê văn phòng và tiền điện   | 354.620.238   | 891.287.525     |
| Thanh toán tiền thuê văn phòng và tiền điện | (582.905.120) | (1.831.663.046) |
| Phải thu phí lưu ký chứng khoán             | 181.811.048   | 220.786.566     |
| Phí lưu ký đã thu                           | (181.811.048) | (294.382.088)   |

Tại ngày cuối kỳ, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

|                                       | Số cuối kỳ  | Số đầu năm  |
|---------------------------------------|-------------|-------------|
| <b>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</b> |             |             |
| Phải thu phí lưu ký chứng khoán       | -           | -           |
| Tiền đặt cọc thuê văn phòng           | 258.000.000 | 258.000.000 |

**Công ty CP Tài chính và Phát triển Doanh nghiệp**

|                                |                    |                    |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| Phải thu tiền thanh lý tài sản | 15.500.000         | 15.500.000         |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>        | <b>273.500.000</b> | <b>273.500.000</b> |

**Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam**

|                                         |            |             |
|-----------------------------------------|------------|-------------|
| Phải trả tiền thuê văn phòng, tiền điện | 20.105.303 | 248.390.185 |
|-----------------------------------------|------------|-------------|

|                         |                   |                    |
|-------------------------|-------------------|--------------------|
| <b>Cộng nợ phải trả</b> | <b>20.105.303</b> | <b>248.390.185</b> |
|-------------------------|-------------------|--------------------|

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc cung cấp dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### **Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực môi giới chứng khoán: Là các hoạt động về môi giới mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư;
- Lĩnh vực đầu tư chứng khoán, góp vốn: Là các khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn vào đơn vị khác.
- Lĩnh vực tư vấn: Là các hoạt động tư vấn mua bán chứng khoán, tư vấn tài chính khác.
- Lĩnh vực lưu ký chứng khoán: Là hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư.
- Lĩnh vực khác: Là hoạt động trong các lĩnh vực khác ở trên.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục số 01 từ trang 37 đến trang 39 đính kèm.

### **Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## **3. Quản lý rủi ro tài chính**

### **Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

### **Phải thu khách hàng**

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều cá nhân vay cầm cố chứng khoán và vay ứng trước, hiện tại khó có khả năng thu hồi nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là cao.

### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | <b>Chưa quá hạn hay<br/>chưa bị giảm giá</b> | <b>Đã quá hạn<br/>và/hoặc bị giảm giá</b> | <b>Cộng</b>           |
|------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                  |                                              |                                           |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 31.680.791.179                               | -                                         | 31.680.791.179        |
| Phải thu khách hàng                | 96.882.951                                   | 6.331.353.045                             | 6.428.235.996         |
| Các khoản phải thu khác            | 259.000.000                                  | 112.222.302                               | 371.222.302           |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn khác | -                                            | 112.222.302                               | 112.222.302           |
| + Tài sản ngắn hạn khác            | 1.000.000                                    | -                                         | 1.000.000             |
| + Tài sản dài hạn khác             | 258.000.000                                  | -                                         | 258.000.000           |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 13.239.728.000                               | 25.019.968.251                            | 38.259.696.251        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>45.276.402.130</b>                        | <b>31.463.543.598</b>                     | <b>76.739.945.728</b> |

**Số đầu năm**

|                                    |                       |                       |                       |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.647.352.027        | -                     | 19.647.352.027        |
| Phải thu khách hàng                | 75.440.685            | 6.333.206.069         | 6.408.646.754         |
| Các khoản phải thu khác            | 276.300.000           | 113.479.582           | 389.779.582           |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 17.300.000            | 113.479.582           | 130.779.582           |
| + Tài sản ngắn hạn khác            | 1.000.000             | -                     | 1.000.000             |
| + Tài sản dài hạn khác             | 258.000.000           | -                     | 258.000.000           |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 13.239.728.000        | 25.021.812.096        | 38.261.540.096        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>33.238.820.712</b> | <b>31.468.497.747</b> | <b>64.707.318.459</b> |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền công như các khoản phải trả người bán ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                                              | <b>Từ 1 năm trở<br/>xuống</b> | <b>Trên 1 năm<br/>đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Cộng</b>           |
|----------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                            |                               |                                 |                   |                       |
| Phải trả người bán                           | 180.106.627                   |                                 |                   | 180.106.627           |
| Các khoản phải trả khác                      | 25.455.776.877                |                                 |                   | 25.455.776.877        |
| + Chi phí phải trả                           | 607.350.000                   |                                 |                   | 607.350.000           |
| + Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 722.939.011                   |                                 |                   | 722.939.011           |
| + Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 24.123.487.866                |                                 |                   | 24.123.487.866        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>25.635.883.504</b>         |                                 |                   | <b>25.635.883.504</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỎ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

|                                                         | Từ 1 năm trở<br>xuống | Trên 1 năm<br>đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------------|
| <b>Số đầu năm</b>                                       |                       |                         |            |                       |
| Phải trả người bán                                      | 383.487.260           | -                       | -          | 383.487.260           |
| Các khoản phải trả khác                                 | 13.089.289.263        | -                       | -          | 13.089.289.263        |
| + <i>Chi phí phải trả</i>                               | 422.000.000           | -                       | -          | 422.000.000           |
| + <i>Các khoản phải trả, phải nộp<br/>ngắn hạn khác</i> | 732.669.426           | -                       | -          | 732.669.426           |
| + <i>Phải trả hoạt động giao dịch<br/>chứng khoán</i>   | 11.934.619.837        | -                       | -          | 11.934.619.837        |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>13.472.776.523</b> | -                       | -          | <b>13.472.776.523</b> |

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

|                                    | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.600.000.000        | 6.800.000.000        |
| <b>Tài sản thuần</b>               | <b>6.600.000.000</b> | <b>6.800.000.000</b> |

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do lãi suất thị trường có biên độ dao động nhỏ.

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là đáng kể do các khoản chứng khoán Công ty nắm giữ có biên độ giao động giá cao.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Tài sản tài chính*

|                                    | Giá trị ghi sổ        |                         |                       |                         | Giá trị hợp lý        |                       |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối kỳ            |                         | Số đầu năm            |                         | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|                                    | Giá gốc               | Dự phòng                | Giá gốc               | Dự phòng                |                       |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 31.680.791.179        | -                       | 19.647.352.027        | -                       | 31.680.791.179        | 19.647.352.027        |
| Phải thu khách hàng                | 6.428.235.996         | (6.331.353.045)         | 6.408.646.754         | (6.333.206.069)         | 96.882.951            | 75.440.685            |
| Các khoản phải thu khác            | 371.222.302           | (112.222.302)           | 389.779.582           | (113.479.582)           | 259.000.000           | 276.300.000           |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 112.222.302           | (112.222.302)           | 130.779.582           | (113.479.582)           | -                     | 17.300.000            |
| + Tài sản ngắn hạn khác            | 1.000.000             | -                       | 1.000.000             | -                       | 1.000.000             | 1.000.000             |
| + Tài sản dài hạn khác             | 258.000.000           | -                       | 258.000.000           | -                       | 258.000.000           | 258.000.000           |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 38.259.696.251        | (19.634.403.905)        | 38.261.540.096        | (19.655.320.649)        | 18.625.292.346        | 18.606.219.447        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>76.739.945.728</b> | <b>(26.077.979.252)</b> | <b>64.707.318.459</b> | <b>(26.102.006.300)</b> | <b>50.661.966.476</b> | <b>38.605.312.159</b> |

*Nợ phải trả tài chính*

|                                              | Giá trị ghi sổ        |                       | Giá trị hợp lý        |                       |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                              | Số cuối kỳ            |                       | Số đầu năm            |                       |
|                                              | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
| Phải trả người bán                           | 180.106.627           | 383.487.260           | 180.106.627           | 383.487.260           |
| Các khoản phải trả khác                      | 25.455.776.877        | 13.089.289.263        | 25.455.776.877        | 13.089.289.263        |
| + Chi phí phải trả                           | 607.350.000           | 422.600.000           | 607.350.000           | 422.600.000           |
| + Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 722.939.011           | 732.669.426           | 722.939.011           | 732.669.426           |
| + Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 24.125.487.866        | 11.934.619.837        | 24.125.487.866        | 11.934.619.837        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>25.635.883.504</b> | <b>13.472.776.533</b> | <b>25.635.883.504</b> | <b>13.472.776.523</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

31/12/2013



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố.

Kế toán trưởng



Dương Thu Hương

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thu Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỎ**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
 Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: |                      |                             |          |                    | Đơn vị tính: VNĐ     |                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|----------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Kỳ này                                                                                                                                                 | Mọi giới chứng khoản | Đầu tư chứng khoản, góp vốn | Tư vấn   | Lưu ký chứng khoản | Các lĩnh vực khác    | Cộng                 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                                                                                           | 1.029.844.925        | 276.762.340                 | -        | 223.678.800        | 1.056.921.420        | 2.586.607.485        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                                                                                       | -                    | -                           | -        | -                  | -                    | -                    |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                                                                            | <b>1.029.844.925</b> | <b>276.762.340</b>          | <b>-</b> | <b>223.678.800</b> | <b>1.056.921.420</b> | <b>2.586.607.485</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                                                                                        | 97.703.408           | 91.468.120                  | -        | (213.019.837)      | 269.427.048          | 245.578.799          |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                                                                                                 |                      |                             |          |                    |                      | (1.158.276.412)      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                                                                                      |                      |                             |          |                    |                      | (912.697.633)        |
| Thu nhập khác                                                                                                                                          |                      |                             |          |                    |                      | -                    |
| Chi phí khác                                                                                                                                           |                      |                             |          |                    |                      | -                    |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                                                                           |                      |                             |          |                    |                      | -                    |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                                                               |                      |                             |          |                    |                      | -                    |
| Tổng chi phí dự báo sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                                                     |                      |                             |          |                    |                      | (912.697.633)        |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn                                                                                             |                      |                             |          |                    |                      | 107.850.040          |
| Tổng giá trị các khoản chi phí khác không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)                                        |                      |                             |          |                    |                      | 867.416.973          |
|                                                                                                                                                        |                      |                             |          |                    |                      | -                    |

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội  
 BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
 Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

|                                                                                                                |                      |                    |          |                    |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|----------|--------------------|----------------------|
| <b>Kỳ trước</b>                                                                                                |                      |                    |          |                    |                      |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                                                   | 1.768.731.686        | 566.679.600        | -        | 220.786.566        | 1.664.200.320        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                                               | -                    | -                  | -        | -                  | -                    |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                                    | <b>1.768.731.686</b> | <b>566.679.600</b> | <b>-</b> | <b>220.786.566</b> | <b>1.664.200.320</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                                                | 1.768.731.686        | 566.679.600        | -        | 220.786.566        | 1.664.200.320        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                                                         |                      |                    |          |                    | (3.231.138.648)      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                                              |                      |                    |          |                    | 980.259.534          |
| Thu nhập khác                                                                                                  |                      |                    |          |                    | 41.509.092           |
| Chi phí khác                                                                                                   |                      |                    |          |                    | (8.449.713)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                                   |                      |                    |          |                    | -                    |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                       |                      |                    |          |                    | -                    |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                            |                      |                    |          |                    | <b>1.022.518.883</b> |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn                                                     | -                    | -                  | -        | -                  | 97.776.009           |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | -                    | -                  | -        | -                  | 96.766.549           |
|                                                                                                                | -                    | -                  | -        | -                  | -                    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau: |                      |                             |             |                    | Đơn vị tính: VNĐ  |                       |
|----------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|-------------|--------------------|-------------------|-----------------------|
|                                                                      | Môi giới chứng khoán | Đầu tư chứng khoán, góp vốn | Tư vấn      | Lưu ký chứng khoán | Các lĩnh vực khác | Cộng                  |
| <b>Số cuối năm</b>                                                   |                      |                             |             |                    |                   |                       |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận                                        | 22.586.545.923       | 6.069.948.163               | -           | 4.892.561.438      | 23.180.387.201    | 56.729.442.855        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận                                          | -                    | -                           | -           | -                  | -                 | -                     |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận                               |                      |                             |             |                    |                   | -                     |
| <b>Tổng tài sản</b>                                                  |                      |                             |             |                    |                   | <u>56.729.442.855</u> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận                                      | -                    | -                           | -           | -                  | -                 | -                     |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận                               |                      |                             |             |                    |                   | -                     |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                                              |                      |                             |             |                    |                   | <u>26.286.102.425</u> |
| <b>Số đầu năm</b>                                                    |                      |                             |             |                    |                   |                       |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận                                        | 18.962.421.364       | 4.205.524.991               | 350.911.362 | 3.494.615.063      | 18.369.957.983    | 45.387.430.363        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận                                          | -                    | -                           | -           | -                  | -                 | -                     |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận                               |                      |                             |             |                    |                   | -                     |
| <b>Tổng tài sản</b>                                                  |                      |                             |             |                    |                   | <u>45.387.430.363</u> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận                                    | 5.862.177.485        | 1.300.125.712               | 108.483.228 | 1.081.586.684      | 5.679.019.151     | 14.031.392.260        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận                                      | -                    | -                           | -           | -                  | -                 | -                     |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận                               |                      |                             |             |                    |                   | -                     |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                                              |                      |                             |             |                    |                   | <u>14.031.392.260</u> |

